TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Quang
Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** Bà Thị Kim Lài– Kiểm sát viên.

Trong ngày13 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025giữa:

Nguyên đơn: bà Tô Thị Hồng D, sinh năm 1982(có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (vắngmặt)
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bàTô Thị Hồng Dnhư sau:**

Vào năm 1998 bà D và ông T được người quen giới thiệu và ông bà tìm hiểu nhau được thời gian ngắn thì ông bà tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1998, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.Sau khi cưới, ông bà sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên cờ bạc gây ra nợ nần, mặc dù bà và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên mâu thuẫn giữa hai người ngày càng gay gắt; bà không chịu nổi nữa nên bà đã ly thân với ông T từ tháng 02/2024 cho đến nay. Thời gian ly thân ông bà không liên lạc với nhau và cũng không

có gặp nhau, bà D xác định đã không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Bà và ông T có hai người con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Thanh C, sinh ngày 18/4/2001; hiện nay hai con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng.Bà Dxác định bà và ông Tkhông có tài sản chung và cũng không cónợ chung.

Tại phiên tòa,bà Tô Thị Hồng D yêu cầu Tòa án giải quyếtvề hôn nhân bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung bà D xác định hai con chung là Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Thanh C đã trưởng thành trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.Về tài sản chungvà nợ chung không có nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.Ngoài ra, bà D không yêu cầugì thêm.

*** Bị đơn ôngNguyễn Văn T trình bày ý kiến tại phiên hòa giải như sau:** Ông T và bà D có quen biết, tìm hiểu nhau được thời gian ngắn thì ông bà được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn nên ông T không có cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông T xác định là ông bà sống hạnh phúc đến tháng 10/2024 thì phát sinhmâu thuẫn nguyên nhân là do ông T phát hiện bà D có nhắn tin cho người khác, từ đó vợ chồng cãi nhau nên bà D bỏ đi sống ly thân với ông từ tháng 10/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông có đi tìm bà D nhưng bà D không gặp ông, ông gọi điện thoại cho bà D thì bà D không bắt máy và bà D gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông. Ông T xác định là ông và bà D có hai người con chung tênNguyễn Thanh T1, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Thanh C, sinh ngày 18/4/2001; hiện nay hai người con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi. Ông T xác định ông và bà D không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Về hôn nhân ôngT không đồng ý ly hôn với bà D vì ông còn thương vợ nên muốn gai đình hàn gắn lại. Nếu bà D cương quyết ly hôn thì về hai người con chung tên Nguyễn Thanh T1 , sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Thanh C, sinh ngày 18/4/2001 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn về tài sản chung và nợ chung ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông T không yêu cầugì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đonchấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn là không chấp hành đầy đủ theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xửáp dụng Điều 53và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:Tuyên xử về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa bà Tô Thị Hồng D và ôngNguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà D, ông T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranhtụngtại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng:BàTô Thị Hồng D yêu cầu ly hôn với ôngNguyễn Văn T. Bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giangnên Tòa án nhân dân huyện Gò Quaoxác định quan hệ pháp luật "ly hôn" và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tạitại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân:bà Tô Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.Ông bà sống với nhau đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà D cho rằng ông bà không có hạnh phúc vì do ông T thường xuyên cờ bạc gây ra nợ nần, mặc dù bà và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi nên mâu thuẫn giữa hai người ngày càng gay gắt; bà không chịu nổi nữa nên bà đã ly thân với ông T từ tháng 10/2024 cho đến nay, bà D xác định bà không còn tình cảm với ông T nên không thể sống chung với ông T được nữa; do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông T. Còn ông T cho rằng, ông bà xảy ra mâu thuẫn là do ông phát hiện bà D có nhắn tin cho người khác, từ đó vợ chồng cãi nhau và bà D yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông Tkhông đồng ý ly hôn với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D và ông T sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1998 đến nay nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; đồng thời bà D không muốn tiếp tục sống chung với ông T nữa nên Hội đồng xét xửcần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Tô Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung:bà D, ông T đều xác nhận có hai người con chung tênNguyễn Thanh T1, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Thanh C, sinh ngày 18/4/2001; hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi và có cuộc sống riêng nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà D, ông T xác định là không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: bằng 300.000 đồng, bà Tô Thị Hồng D phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa bà Tô Thị Hồng D và ôngNguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

2.Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Tô Thị Hồng D phải nộp án phí là 300.000đồng(ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0006164 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà D đã nộp xong án phí HNST.

4.Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 13/3/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh